

Bản án số: 161/2025/HS-ST

Ngày: 11-4-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 169/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1553/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

DƯƠNG THÁI B; sinh năm: 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: D19 đường Nguyễn T, phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công an Quận 6; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương C và bà Trần Thị Xuân M; Vợ: Trần Thị Thanh T; con có 2 người, sinh năm 2017 và sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 05/8/2024 đến ngày 18/10/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư: Nguyễn Văn T - Công ty TNHH MTV Tân Nam Hải – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Bị hại: Ông Võ Ngọc Kim L, sinh năm 1988; thường trú: 933/19 Lò Gốm, Phường 8, Quận 6, TP.HCM; tạm trú: phòng 405, nhà trọ địa chỉ 207-209-211 đường Chợ Lớn, phường 11, Quận 6, TP.HCM. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Văn N sinh, sinh năm 1992; địa chỉ: 405/36/54 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2/ Ông Trương Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 4 đường 28A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: 37 đường số 55, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4/ Ông Phạm Minh C, sinh năm 1991; địa chỉ: 236F Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5/ Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: 87 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính đối tượng Võ Ngọc Kim L. Qua kiểm tra và lời khai của L, đã phát hiện các cán bộ thuộc tổ 363 Công an Quận 6 có dấu hiệu nhận tiền của đối tượng L để không thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm của đối tượng L theo đúng quy định của pháp luật vào lúc 12 giờ ngày 04/10/2023, nên đã chuyển hồ sơ tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, làm rõ hành vi vi phạm.

Quá trình điều tra xác định được ngày 04/10/2023, Tổ công tác 363 (Tổ số 2) Công an Quận 6 gồm có: Dương Thái B (Nguyên cán bộ Đội cảnh sát hình sự

- Tổ trưởng); Võ Văn Nt (cán bộ Đội cảnh sát giao thông – Tổ phó); Trương Minh T (cán bộ Đội cảnh sát giao thông); Nguyễn Minh T (cán bộ Đội hỗ trợ tư pháp); Phạm Minh C (cán bộ đội cảnh sát hình sự); Lê Ngọc T (cán bộ đội Cảnh sát Ma túy), được Ban Chỉ huy Công an Quận 6 phân công nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn Quận 6 theo Kế hoạch số 36/KH-CAQ-TH ngày 06/01/2023.

Vào lúc 12 giờ ngày 04/10/2023, khi tổ công tác của Dương Thái B tuần tra đến khu vực cầu đi bộ số 2 đường Lò Gốm, Quận 6 thì phát hiện đối tượng Võ Ngọc Kim L điều khiển xe mô tô biển số 50N-033.72 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Tổ công tác yêu cầu L xuất trình giấy tờ tùy thân để kiểm tra. L xuất trình đầy đủ giấy tờ theo yêu cầu của tổ công tác, đồng chí N và Tuấn kiểm tra không phát hiện vi phạm gì nên bàn giao lại cho B, rồi cả hai đi ra phía trước điều tiết giao thông. Lúc này B cùng 3 đồng chí còn lại trong tổ công tác tiến hành kiểm tra người và xe của L, kết quả kiểm tra không phát hiện lỗi vi phạm. B tiếp tục yêu cầu L mở điện thoại di động để kiểm tra, nhưng L không chấp hành nên B nói nếu không chấp hành thì đưa về trụ sở Công an làm việc, đồng thời lấy xe gắn máy của L chở L về đội Cảnh sát giao thông Công an Quận 6, các đồng chí còn lại tiếp tục làm việc. Trên đường đi L nói bản thân vừa sử dụng ma túy, không có nơi cư trú, sợ bị đưa đi cai nghiện nên đề nghị đưa cho B 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), B đồng ý nên khi về đến Đội Cảnh sát giao thông, B không đưa L vào phòng làm việc mà đưa L ra bãi giữ xe phía sau trụ sở. Tại đây L đưa cho B 1 xấp tiền, B nhận cho vào túi sau đó lấy điện thoại chụp hình giấy tờ tùy thân của L, ghi lại số điện thoại của L rồi cho L về. Đồng thời lúc này B cũng đi ra để tiếp tục cùng đi tuần tra cho đến 14 giờ cùng ngày thì kết thúc ca trực. Sau khi kết thúc ca trực thì B và C trở về Đội cảnh sát hình sự, tại đây Bảo lấy xấp tiền ra đếm thì chỉ có 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*), nên B điện thoại cho L nói đưa không đủ tiền và hẹn khoảng 15 giờ cùng ngày gặp nhau tại quán cà phê vỉa hè gần tiệm Nail Quyên. Tại đây L đưa cho B 01 gói thuốc lá Jet trong có số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*)

Đến 19 giờ cùng ngày các thành viên tổ 2 tiếp tục tập trung để tiến hành đi tuần tra cho đến 23 giờ cùng ngày, khi kết thúc ca trực cả tổ trở về Đội cảnh sát giao thông Quận 6. Tại đây B gặp riêng từng người trong tổ và đưa cho mỗi người 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) nói là hỗ trợ tiền xăng, ăn uống, còn B giữ lại 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Khi đưa tiền cho các thành viên trong tổ B không nói rõ tiền ở đâu mà có, không nói nhận của L.

Căn cứ kết quả điều tra ngày 18/7/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án, bị can và ngày 05/8/2024 đã bắt tạm giam Dương Thái B

Tại Cơ quan điều tra Dương Thái B đã thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Đối với Võ Văn N, Trương Minh T, Phạm Minh C, Nguyễn Minh T, Lê Ngọc T, quá trình điều tra xác định được các đồng chí này không biết Dương Thái B nhận 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) của Võ Ngọc Kim L. Khi nhận của B 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) các đồng chí này cũng không được B cho biết là tiền nhận của đối tượng L mà B chỉ nói tiền bồi dưỡng ăn uống và xăng xe nên không báo cho Công an Quận 6. Sau khi biết sự việc các đồng chí này đã tự nguyện nộp lại tiền cho Cơ quan điều tra. Kết quả điều tra đến nay xác định được hành vi của các đồng chí N, T, C, T, T không có căn cứ để xử lý hình sự. Tuy nhiên với mức độ vi phạm như đã nêu, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thi hành kỷ luật theo quy định.

Đối với Võ Ngọc Kim L, khi được B đưa về Đội cảnh sát giao thông Quận 6, L nói với B mới sử dụng ma túy, không có nơi cư trú và đề nghị đưa cho B 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) để B không thực hiện kiểm tra L, B đã nhận tiền và cho L về. Việc giao nhận tiền, ngoài lời khai của B và L thì không có chứng cứ xác thực để đánh giá chính xác lý do B nhận tiền của L. Đồng thời quá trình điều tra đã xác định được hành vi của B là lạm dụng việc được phân công thi hành công vụ để chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó,

không có căn cứ để xem xét hành vi đưa và nhận hối lộ, nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vật chứng:

-Số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) do B, N, C, T, T, T nộp lại (đã được Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào số tài khoản số 39490905977500000 của kho bạc nhà nước Quận 10, giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/01/2025)

-01 điện thoại di động Nokia số Imei 1: 35858906957120, số Imei 2: 35858906957138 thu giữ của Dương Thái B

-01 điện thoại di động Iphone 6S số Imei: 353317078509495 giữ của Dương Thái B

-01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max số Imei: 356370161713489 giữ của Võ Văn N

-01 điện thoại di động Iphone 13 X số Imei: 359409084640853 giữ của Phạm Minh C

-01 điện thoại di động SamSung Galaxy Z Fold 3 số Imei 1: 351014293661944; số Imei 2: 352191243661940 giữ của Nguyễn Minh T

Tại bản cáo trạng số 129/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Dương Thái B về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

-Đại diện Viện kiểm sát tại phiên luận tội đã tóm tắt lại hành vi phạm tội của bị cáo, nêu ra các nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nêu rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 355, điểm s,v khoản 1 Điều 51, Điều 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Dương Thái B từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù (được trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2024 đến ngày 18/10/2024).

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố bị cáo. Ngoài điểm s,v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát đã áp dụng, đề nghị Hội đồng áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 cho bị cáo vì bị cáo đã khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Ngoài ra hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính của gia đình, bị cáo đã ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất mà Viện kiểm sát đề nghị, đồng thời xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Việc bị cáo nộp lại số tiền đã chiếm đoạt không thể xem là khắc phục hậu quả nên không có căn cứ để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Luật sư: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không bào chữa bổ sung, không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Dương Thái B, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 15 giờ ngày 04/10/2023, Dương Thái B trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tuần tra đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt của Võ Ngọc Kim L số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, vừa làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cơ quan tổ chức, gây ảnh hưởng an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi, tham lam, ham vật chất nên bị cáo thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt phù hợp, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác nên cần áp dụng điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về vật chứng:

-Đối với số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) do B, N, C, T, T, T nộp lại (đã được Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào tài khoản số

39490905977500000 của kho bạc nhà nước Quận 10, giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/01/2025) là tiền bị cáo B chiếm đoạt của Bị hại, nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị hại.

-Đối với 01 điện thoại di động Nokia số Imei 1: 35858906957120, số Imei 2: 35858906957138 thu giữ của Dương Thái B, là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

-Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S số Imei: 353317078509495 thu giữ của Dương Thái B, là điện thoại bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max số Imei: 356370161713489 giữ của Võ Văn N. Xét là tài sản riêng không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Thái B, nên trả lại cho ông N

-Đối với 01 điện thoại di động Iphone X số Imei: 359409084640853 giữ của Phạm Minh C. Xét là tài sản riêng không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Thái B, nên trả lại cho ông C

-Đối với 01 điện thoại di động SamSung Galaxy Z Fold 3 số Imei 1: 351014293661944 ; số Imei 2: 352191243661940 giữ của Nguyễn Minh T. Xét là tài sản riêng không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Thái B, nên trả lại cho ông T.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét trình bày của Luật sư về việc đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến tranh luận của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất với Viện kiểm sát. Các trình bày khác của Luật sư như nêu trên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm s,v khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Xử phạt bị cáo: Dương Thái B 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2024 đến ngày 18/10/2024)

[2] Về vật chứng:

-Trả lại cho bị hại ông Võ Ngọc Kim L số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) do B, N, C, T, T, T nộp lại (đã được Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào tài khoản số 39490905977500000 của kho bạc nhà nước Quận 10, giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/01/2025)

-Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia số Imei 1: 35858906957120, số Imei 2: 35858906957138 thu giữ của Dương Thái Bảo.

-Tịch thu 01 điện thoại di động Iphone 6S số Imei: 353317078509495 giữ của Dương Thái B để nộp vào ngân sách nhà nước

-Trả lại cho ông Phạm Minh C với 01 điện thoại di động Iphone X số Imei: 359409084640853

-Trả lại cho ông Võ Văn N 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max số Imei: 356370161713489

-Trả lại cho ông Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động SamSung Galaxy Z Fold 3 số Imei 1: 351014293661944 ; số Imei 2: 352191243661940.

(Tình trạng vật chứng tịch thu, giao trả theo như Biên bản giao nhận tang, tài vật số NK2025/282 ngày 25/3/2025)

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[4] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Sở Tư pháp TP HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng PV06 – Công an TP HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trí



